

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NAM TỪ LIÊM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **243/2023/HS-ST**

Ngày: 19/9/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thúy Anh;

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Minh Tuấn  
Ông Nguyễn Tiến Chuyền.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thùy Dung, Cán bộ Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thùy Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 248/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2023/QĐXXST-HS ngày 08/9/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Mạnh T** Giới tính: Nam

Sinh năm 2004

HKTT: Khu T, huyện Q, tỉnh B

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không

Trình độ văn hóa: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Nguyễn Đăng K Sinh năm: 1972

Con bà: Nguyễn Thị H Sinh năm: 1979

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ ngày 15/5/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Số 1 Công an thành phố Hà Nội.

2. Họ tên: **Nguyễn Văn T1** Giới tính: Nam

Sinh năm 2004

HKTT: xóm X, thôn Đ, xã Đ, huyện M, thành phố H

Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh      Tôn giáo: không  
Trình độ văn hóa: 09/12      Nghề nghiệp: Lao động tự do  
Con ông: Nguyễn Văn V      Sinh năm: 1982  
Con bà: Trần Thị H1      Sinh năm: 1982  
Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất  
Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ ngày 15/5/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Số 1 Công an thành phố Hà Nội.

*(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).*

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị T2, sinh 2004. HKTT: Khu X, thị trấn M, huyện Mt, tỉnh T (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Xuân T3, sinh 1987. HKTT: xã P, huyện Q, tỉnh B (Vắng mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh T: Ông Nguyễn Tùng T, sinh 1974 và bà Phạm Thị Thu H, sinh 1983 – Luật sư – Công ty Luật TNHH C – Đoàn luật sư TP Hà Nội. Địa chỉ: Phòng X, tầng Y, tòa nhà L, số X đường K, phường N, quận T, thành phố H (Bà H có mặt, ông T vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Văn T1 quen biết nhau qua bạn bè xã hội từ khoảng tháng 10/2022. Khoảng cuối tháng 4/2023, T1 đến ở nhờ tại phòng trọ của T tại số X ngách Y đường L, phường M, quận N, thành phố H để đi tìm việc làm. Quá trình sinh hoạt, do cả hai không có đủ tiền để trang trải cuộc sống nên tối ngày 12/5/2023, T1 và T bàn bạc rủ nhau đi cướp giật tài sản. Khoảng 01 giờ ngày 13/5/2023, T1 và T rủ nhau đi cướp giật tài sản. Trước khi đi, cả hai đem theo mỗi người một bộ quần áo với mục đích thay quần áo để tránh bị phát hiện. Khi ra đến đầu ngõ, cả hai rẽ vào một ngách nhỏ để thay quần áo, T1 mặc một áo chùng đầu màu đen, mặc quần màu trắng, chân đi giày thể thao màu xám, T1 đeo ba lô đựng quần áo của T, T mặc áo bò dài tay màu xanh, mặc quần dài màu đen, chân đi dép màu đen, đeo túi đeo chéo màu đen của T1. Sau khi thay quần áo, cả hai đi xung quanh khu vực P, phường M, quận N, thành phố H tìm kiếm người sơ hở để cướp

giật tài sản. Khi đến khu vực trước cửa sau của quán Bi-a P (địa chỉ: ngõ X đường N, phường M, quận N, thành phố H), T1 và T phát hiện chị Nguyễn Thị T2 (SN 2004, HKTT: khu X, thị trấn M, huyện M, tỉnh T) đang ngồi trên xe máy Honda Vision, BKS: 36B7-024.XX chờ bạn để đi về nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của chị T2 và ngồi quan sát chị T2 khoảng 05 phút thì thấy xung quanh không có ai nên cả hai đã tiến lại gần chị T2 để tìm cách chiếm đoạt tài sản. T giả vờ hỏi chị T2: “*địa chỉ ngách 52/25 đường Mỹ Đình ở đâu*” thì chị T2 bảo đang không bận gì nên sẽ đi cùng T1 và T để chỉ đường. Sau đó, chị T2 xuống và đưa xe để T1 lái xe chở T ngồi giữa và chị T2 ngồi sau chỉ đường. Đến khoảng 2h02’ cùng ngày, khi chị T2 chỉ cho T1 đi đến đầu ngách 52/25 đường M, phường M, quận N, thành phố H thì T1 dừng xe lại và quay đầu xe ra hướng công làng P (xe vẫn nổ máy), chị T2 và T xuống xe còn T1 vẫn ngồi vị trí cầm lái. Chị T2 xuống xe và tiếp tục chỉ đường cho T1 và T và bảo cả hai gọi bạn ra đón. Lúc này, T giả vờ mở túi đeo chéo màu đen đang đeo trên người, cho tay vào giả vờ tìm điện thoại để gọi cho bạn ra đón rồi dùng tay vỗ nhẹ vào vai T1 để ra dấu cho T1 bỏ chạy sau đó leo lên xe máy để T1 tăng ga phóng xe bỏ chạy, cùng lúc này chị T2 túm được vạt áo của T kéo lại nhưng bị trượt tay nên T1 đã phóng xe chở T bỏ chạy thoát về hướng công làng P, cả hai bỏ chạy đến khu vực đường K thì dừng lại thay quần áo đang mặc trên người rồi kiểm tra cốp xe phát hiện trong cốp có giấy đăng ký xe nên cả hai thống nhất mang xe sang tỉnh B để bán. Khoảng 09 giờ ngày 13/5/2023, cả hai đi xe đến cửa hàng xe máy H của anh Bùi Xuân T3 (Sinh năm: 1987; HKTT: xã P, huyện Q, tỉnh B) trên đường G, xã P, huyện Q, tỉnh B bán xe cho anh T3 với giá 20.000.000 đồng (anh T3 chuyển khoản 16.900.000 đồng vào tài khoản Vietinbank số 106877853XXX của T và trả 03 triệu đồng tiền mặt, còn 100.000 đồng xin bớt). Khi mua xe, anh T3 có hỏi T1 và T là: “xe có giấy tờ không?”, T1 bảo xe có giấy đăng ký xe và T có viết giấy mua bán xe với anh T3. Số tiền bán xe máy, T1 và T thống nhất chia đôi và đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, cùng ngày 13/05/2023, chị Nguyễn Thị T2 đến cơ quan Công an phường M trình báo sự việc. Cơ quan Công an đã tiến hành kiểm tra camera tại nhà số X ngõ Y đường M, phường M, quận N, thành phố H đã phát hiện hình ảnh liên quan đến vụ việc trên.

Đến ngày 15/5/2023, Cơ quan CSĐT - Công an quận Nam Từ Liêm đã tiến hành triệu tập Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Văn T1 đến để làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Văn T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành dẫn giải T và T2 đi xác định được nơi bán xe và đã thu giữ được vật chứng do anh Bùi Xuân T3 giao nộp.

Vật chứng thu giữ: 01 áo dài tay có mũ màu đen, 01 ba lô màu đen, đôi giày thể thao (Thu giữ của Nguyễn Văn T1); 01 áo dài tay màu xanh, 01 túi màu đen (Thu giữ của Nguyễn Mạnh T); 01 giấy biên nhận bán xe, 01 xe mô tô Honda Vision, BKS: 36B7-024.XX kèm đăng ký xe mang tên Lê Thị H, 01 căn cước công dân bản photo mang tên Nguyễn Mạnh T, 01 mũ bảo hiểm (do anh Bùi Xuân T3 giao nộp).

Tại Kết luận định giá tài sản số 150 ngày 25/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự UBND quận Nam Từ Liêm, kết luận: *01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đen, BKS: 36B7-024.XX trị giá 23.000.000 đồng.*

Đối với anh Bùi Xuân T3, quá trình điều tra xác định: khi mua xe máy của T1 và T, anh T3 đã hỏi rõ nguồn gốc xe nhưng do T1 và T đều nói đây là xe mua lại của bạn và xe có đăng ký xe bản gốc cùng căn cước công dân của T nên anh T3 đã mua, do anh T không biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu xanh nâu đen, BKS: 36B7-024.XX, quá trình điều tra xác định: xe có số khung, số máy nguyên thủy, xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng, đứng tên đăng ký là chị Lê Thị H (sinh năm: 2000; HKTT: thôn X, xã T, huyện T, tỉnh T). Tại Cơ quan điều tra chị Lê Thị H khai: Tháng 3/2019, chị H có mua và đăng ký chiếc xe máy trên và sử dụng đến tháng 12/2019 thì bán lại cho chị Nguyễn Thị T2, khi mua bán có viết giấy bán xe cho chị T2.

Ngày 27/6/2023, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và tiến hành trao trả cho chị Nguyễn Thị T2 chiếc xe máy Honda ViSion BKS: 36B7-024.XX cùng 01 đăng ký xe máy mang tên Lê Thị H và 01 mũ bảo hiểm. Chị T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 239/CT- VKS ngày 28/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm bị cáo Nguyễn Mạnh T và bị cáo Nguyễn Văn T1 bị truy tố về tội “Cướp giật tài sản” theo Khoản 1, Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

+ Bị cáo Nguyễn Mạnh T và bị cáo Nguyễn Văn T1 khai nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo T đề nghị: HĐXX xem xét cho bị cáo T hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt do bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có ông nội, ông ngoại là người có công với cách mạng, gia đình bị cáo đã chủ động bồi thường cho chị T2 số tiền 5.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm như cáo trạng truy tố và kết luận các bị cáo Nguyễn Mạnh T và bị cáo Nguyễn Văn T1 đã phạm tội “Cướp giật tài sản”, quy định tại Khoản 1, Điều 171 của Bộ luật hình sự. Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét tình tiết giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ Khoản 1, Điều 171; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T mức án tù 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

+ Căn cứ Khoản 1, Điều 171; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 mức án tù 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Vật chứng: Trả lại cho các bị cáo 01 áo dài tay có mũ màu đen; 01 ba lô màu đen; 01 đôi giày thể thao; 01 áo dài tay màu xanh; 01 túi màu đen.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu về dân sự nên không xét.

Các bị cáo không tham gia tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo thấy ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 02h02 phút ngày 13/5/2023, tại đầu ngách X đường M, phường M, quận N, thành phố H, Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Văn T1 đã có hành vi cướp giật chiếc xe máy Honda ViSion màu xanh nâu đen BKS: 36B7-024.XX trị giá 23.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị T2.

Các bị cáo khai nhận tội. Tài sản đã trả lại cho bị hại. Chị Nguyễn Thị T2 không có yêu cầu bồi thường về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Anh Bùi Xuân T3 không có yêu cầu gì về dân sự.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Vụ án có đồng phạm giản đơn, bị cáo T1 và bị cáo T có vai trò ngang nhau, cùng chuẩn bị dụng cụ phương tiện để phạm tội và cùng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

Nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tài sản cướp giật đã trả lại cho bị hại, các bị cáo đều đã tự nguyện khắc phục hậu quả (trả tiền cho anh T3) và đã khắc phục số tiền 5.000.000 đồng cho chị T2. Ngoài ra ông nội, ông ngoại bị cáo T đều là người có công với cách mạng, bố bị cáo T1 bị tâm thần phân liệt - nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Căn cứ vào tính chất, vai trò của các bị cáo và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các

bị cáo đã được phân tích ở trên: Xét thấy cần phải cách ly bị cáo T1 và bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo tính giáo dục, phòng ngừa chung. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Hai bị cáo có vai trò ngang nhau. Như vậy cần áp dụng mức hình phạt đối với hai bị cáo là ngang nhau. Tuy nhiên các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: 01 áo dài tay có mũ màu đen; 01 ba lô màu đen; 01 đôi giày thể thao; 01 áo dài tay màu xanh; 01 túi màu đen cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về dân sự: Bị hại và người liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Văn T1 phạm tội “Cướp giật tài sản”.**

Căn cứ vào: khoản 1, Điều 171; Điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Mạnh T 12 (Mười hai) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/5/2023.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1 12 (Mười hai) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/5/2023.

Áp dụng:

- Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 áo dài tay có mũ màu đen; 01 ba lô màu đen; 01 đôi giày thể thao; 01 áo dài tay màu xanh; 01 túi màu đen.

(Vật chứng nêu trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm theo biên bản giao nhận vật chứng số 262 ngày 29/8/2023).

Về dân sự: Bị hại và người liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo; Bị hại; người liên quan;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Q.Nam Từ Liêm;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thúy Anh**